

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 139/1998/QĐ-TTg ngày 31/07/1998
phê duyệt Chương trình hành động
phòng, chống ma túy 1998 - 2000.**

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG PHÒNG,
CHỐNG MA TÚY GIAI ĐOẠN 1998 - 2000**

*(ban hành kèm theo Quyết định số
139/1998/QĐ-TTg ngày 31/07/1998).*

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng
9 năm 1992;*

*Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
số 743/TTg ngày 14/11/1995 về việc phê duyệt
Kế hoạch tổng thể phòng, chống và kiểm soát ma
túy giai đoạn 1996 - 2000;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia
phòng, chống ma túy tại Tờ trình số 60/UBQG
ngày 18/04/1998 về việc đề nghị phê duyệt Chương
trình hành động phòng, chống ma túy 1998 - 2000,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình hành động phòng, chống ma túy 1998 - 2000 (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban Quốc gia phòng, chống ma túy, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 1996 - 2000; trên cơ sở "Kế hoạch tổng thể phòng, chống và kiểm soát ma túy giai đoạn 1996 - 2000", Thủ tướng Chính phủ quyết định triển khai "Chương trình hành động phòng, chống ma túy 1998 - 2000" với các mục tiêu, các giải pháp và kế hoạch cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Quán triệt phương châm phòng ngừa là chính, nâng cao ý thức tự giác của nhân dân tạo ra phong trào quần chúng rộng rãi, chú trọng vai trò của gia đình trong việc phòng, chống ma túy; tổ chức cai nghiện có hiệu quả; chặn đứng phát sinh mới tệ nạn nghiện ma túy, giảm dần (không thấp hơn 50% số nghiện hiện có); đến năm 2000 xóa bỏ về cơ bản tệ nghiện ma túy đặc biệt là trong học sinh, sinh viên và trẻ em vị thành niên.

2. Không để tái trồng cây thuốc phiện, cây cần sa; đến năm 2000 xóa cơ bản diện tích cây thuốc phiện, cây cần sa còn lại ở Việt Nam.

3. Ngăn chặn có hiệu quả việc buôn bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, quản lý và kiểm soát chặt chẽ các tiền chất; điều tra, khám phá, truy tố, xét xử nghiêm các tội phạm về ma túy. Xóa bỏ cơ bản các tụ điểm sử dụng trái phép các chất ma túy.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác giáo dục tuyên truyền:

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục tuyên truyền

phòng, chống ma túy phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương.

b) Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và tuyên truyền miệng, các loại hình văn hóa nghệ thuật nhằm nâng cao trách nhiệm của các gia đình, nhà trường, cơ quan, xí nghiệp, các ngành, các cấp, đặc biệt là chính quyền cơ sở, làm chuyển biến nhận thức của nhân dân về tác hại của ma túy, tạo ra phong trào toàn dân lên án tệ nạn này. Mở chuyên mục phòng, chống ma túy định kỳ hàng ngày, hàng tuần trên Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và các báo. Thành lập các đội tuyên truyền xung kích do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chủ trì kết hợp với công an và các ngành có liên quan để tuyên truyền về phòng, chống ma túy, đặc biệt là tuyên truyền trong thanh niên.

c) Tăng cường công tác truyền thông trực tiếp. Đưa nội dung phòng, chống ma túy vào hoạt động của các Nhà văn hóa thông tin, Trung tâm thông tin- triển lãm, các đội thông tin lưu động, các đội tuyên truyền xung kích, các câu lạc bộ. Coi trọng các hình thức văn nghệ nhỏ, nhẹ như kịch ngắn, tiểu phẩm, tấu, hề chèo, ngâm thơ, tranh châm biếm,... . Củng cố các trạm, hệ thống truyền thanh ở xã, phường, nông lâm trường, xí nghiệp, đơn vị, lực lượng vũ trang nhân dân, để tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách pháp luật về phòng chống ma túy. Xây dựng các cụm thông tin cố động ở những nơi tập trung đông dân để kịp thời thông tin về tác hại của ma túy và kết quả phòng, chống ma túy ở địa phương.

d) Xây dựng những tác phẩm nghệ thuật điện ảnh, âm nhạc, hội họa, sân khấu có chất lượng cao, tổ chức triển lãm về chủ đề phòng, chống ma túy để phổ biến rộng rãi.

e) Lồng ghép chương trình giáo dục phòng, chống ma túy với các chương trình mục tiêu khác. Tạo điều kiện cơ sở vật chất, tổ chức các hoạt động thể thao, vui chơi lành mạnh để thu hút thanh thiếu niên. Đưa các nội dung giáo dục phòng, chống ma túy vào giảng dạy nội hoặc ngoại khóa trong nhà trường phù hợp với mục tiêu đào

tạo của các cấp học, bậc học. Thực hiện các dự án giáo dục phòng, chống ma túy trong nhà trường.

g) Nghiên cứu, biên soạn tài liệu "Những vấn đề cơ bản về công tác phòng, chống ma túy" để phổ biến rộng rãi trong toàn dân.

2. Quản lý và kiểm soát chặt chẽ các tiền chất và xóa bỏ trồng cây có chất ma túy.

a) Bổ sung và thực hiện nghiêm quy chế quản lý các loại thuốc có chứa chất ma túy và tiền chất được sử dụng hợp pháp cho mục đích y học, nghiên cứu khoa học công nghệ. Tăng cường trách nhiệm những cơ quan y tế về kiểm soát chất ma túy hợp pháp. Thực hiện có hiệu quả các dự án về quản lý tiền chất ở Việt Nam. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, buôn bán, phân phối, sử dụng và vận chuyển các loại thuốc có chứa chất hướng thần.

b) Hưởng ứng kế hoạch bỏ trồng cây thuốc phiện trái phép và phát triển cây thay thế do Liên hợp quốc phát động; tiếp tục vận động, thuyết phục đồng bào các dân tộc vùng cao đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển hướng sản xuất, lồng ghép với các chương trình kinh tế - xã hội và các dự án khác trên cùng địa bàn để thay thế cây thuốc phiện; phấn đấu đến năm 2000 xóa bỏ về cơ bản và không để tái trồng cây thuốc phiện và cây cần sa.

c) Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các dự án hợp tác quốc tế thí điểm phát triển kinh tế - xã hội thay thế cây thuốc phiện tại các vùng trọng điểm huyện Kỳ Sơn (tỉnh Nghệ An) và huyện Sông Mã (tỉnh Sơn La).

3. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy.

a) Tập trung lực lượng phát hiện, điều tra, khám phá, ngăn chặn các tổ chức buôn lậu ma túy. Tăng cường sự phối hợp giữa Công an, Hải quan, Bộ đội Biên phòng kiểm soát chặt chẽ các cửa khẩu biên giới, bến cảng, sân bay, hải phận, quốc lộ... và các tuyến đường buôn lậu ma túy khác. Phối hợp với các cơ quan chống ma túy quốc tế đấu tranh chống buôn lậu ma túy quốc tế và rửa tiền.

b) Xóa bỏ các tụ điểm tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy. Trong năm 1998 - 1999 chú trọng xóa các tụ điểm tổ chức sử dụng ma túy tại các thành phố, thị xã, thị trấn.

c) Quản lý chặt chẽ việc buôn bán, vận chuyển, sử dụng các loại tiền chất, hóa chất có thể sử dụng để sản xuất ma túy. Ngăn chặn việc buôn bán, sử dụng Amphetamine (ATS) đặc biệt trong thanh thiếu niên.

d) Thực hiện có hiệu quả dự án về nâng cao năng lực cơ quan hành pháp kiểm soát ma túy của Tổng cục Cảnh sát nhân dân (Bộ Công an) và Tổng cục Hải quan. Tăng cường năng lực chiến đấu, hiện đại hóa trang bị, phương tiện làm việc của các đơn vị Công an, Hải quan, Bộ đội Biên phòng trong đấu tranh phòng, chống ma túy. Tập trung xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ Công an thành lực lượng chủ công trong đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy ở Việt Nam.

e) Xây dựng chuyên khoa đào tạo cán bộ phòng, chống ma túy tại Học viện Cảnh sát nhân dân và các trường Cảnh sát nhân dân do Bộ Công an quản lý để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phòng, chống ma túy cho các ngành Công an, Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Lao động - Thương binh và Xã hội,...

g) Nâng cao năng lực nghiên cứu phân tích các chất ma túy của các cơ sở giám định tư pháp thuộc Bộ Công an và Bộ Y tế thông qua cung cấp thiết bị và đào tạo cán bộ. Xây dựng Trung tâm quốc gia giám định ma túy trong Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an.

h) Phối hợp chặt chẽ giữa Văn phòng Interpol Việt Nam và Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL) và Cảnh sát các nước trong khu vực Đông Nam Á (ASEANAPOL) về việc trao đổi thông tin, thu thập tin tức, truy nã tội phạm ma túy.

4. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy.

a) Phát huy vai trò gia đình và các tổ chức xã

hội, tổ chức cai nghiện ma túy tại cộng đồng, kết hợp công tác cai nghiện ma túy với việc xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Củng cố các trung tâm cai nghiện ma túy ở huyện và tỉnh, phổ biến các mô hình cai nghiện tốt. Xây dựng hai trung tâm cai nghiện ma túy khu vực do Trung ương quản lý; tập trung cai nghiện có hiệu quả cho những phạm nhân nghiện ma túy đang cải tạo trong các trại giam.

b) Xây dựng và ban hành quy trình cai nghiện thống nhất trên toàn quốc. Nghiên cứu áp dụng các phương pháp cai nghiện và thuốc cai nghiện có hiệu quả cao; nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh cho những người nghiện ma túy tại cơ sở chữa bệnh và tại cộng đồng dân cư.

c) Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 1413/LN ngày 15 tháng 10 năm 1996 của liên ngành: Bộ Nội vụ - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế - Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về "phối hợp liên ngành về phòng ngừa và đấu tranh chống nghiện ma túy trong học sinh, sinh viên và thanh thiếu niên" để năm 2000 xóa bỏ về cơ bản tệ nghiện ma túy trong học sinh, sinh viên và thanh thiếu niên. Năm 1998 - 1999 tập trung làm giảm tệ nạn này ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị lớn.

5. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống ma túy.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống ma túy, trong đó tập trung hoàn thành dự án Luật Phòng chống ma túy để trình Quốc hội vào năm 2000; bổ sung, sửa đổi Bộ Luật hình sự, Bộ Luật tố tụng hình sự, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.... Trong quá trình này, cần chú ý đến sự phù hợp với các công ước quốc tế.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.

a) Đàm phán, ký kết các hiệp định hợp tác phòng, chống ma túy với các nước, trước hết với các nước có chung đường biên giới như Campuchia,

Lào, Trung Quốc, các nước ASEAN, các nước Đông Á, Mỹ và Châu Âu.

b) Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án phòng, chống ma túy giữa 6 nước Đông Á (Việt Nam, Lào, Campuchia, Trung Quốc, Myanma, Thái Lan).

c) Tăng cường hợp tác với Chương trình kiểm soát ma túy quốc tế của Liên hợp quốc (UNDCP), Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol) và các tổ chức quốc tế khác trong công tác phòng, chống ma túy.

d) Thực hiện các nghĩa vụ về hợp tác quốc tế theo tinh thần 3 Công ước 1961, 1971, 1988 về phòng, chống ma túy của Liên hợp quốc.

đ) Tổ chức tham quan, học tập và trao đổi kinh nghiệm với các nước, tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế về phòng, chống ma túy nhằm nâng cao trình độ cán bộ và hiệu quả công tác phòng, chống ma túy ở Việt Nam.

III. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy.

Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy giúp Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống ma túy; tổ chức việc phối hợp các Bộ, ngành, các địa phương trong công tác phòng, chống ma túy; công tác thi đua, khen thưởng về công tác phòng, chống ma túy. Văn phòng Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy là bộ máy giúp Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy có trách nhiệm tổng hợp tình hình về công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác chung về phòng, chống ma túy dài hạn và ngắn hạn; lập kế hoạch kiểm tra trình Ủy ban quốc gia; quản lý ngân sách nhà nước dành cho công tác phòng, chống ma túy, là đầu mối quan hệ quốc tế về công tác phòng, chống ma túy.

2. Bộ Công an.

Chủ trì phối hợp với các cơ quan hải quan, bộ đội biên phòng trong đấu tranh chống các tội phạm về ma túy. Chỉ đạo lực lượng công an nhân dân tập trung đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy. Tổ chức các cơ quan giám định hình sự các chất ma túy thống nhất từ Trung ương tới địa phương. Phối hợp, hỗ trợ các Bộ, ngành trong công tác phòng, chống ma túy. Phối hợp với cơ quan cảnh sát và các lực lượng phòng, chống ma túy của các nước trong đấu tranh chống tội phạm ma túy quốc tế. Tổ chức cai nghiện ma túy cho các phạm nhân nghiện ma túy đang thụ lý trong các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ thuộc Bộ Công an quản lý.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chỉ đạo và quản lý thống nhất các trung tâm cai nghiện ma túy tập trung cấp tỉnh; tổ chức giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm, tái hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng đã cai nghiện. Xây dựng đề án trung tâm cai nghiện khu vực do Trung ương quản lý. Chỉ đạo thực hiện các dự án về cai nghiện ma túy.

4. Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

Chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thay thế cây thuốc phiện, cây cần sa gắn với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ đồng bào miền núi chuyển dịch cơ cấu sản xuất ở những vùng xóa bỏ cây thuốc phiện. Chủ trì chỉ đạo thực hiện các dự án thay thế cây thuốc phiện, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo công tác phòng, chống nghiện ma túy ở vùng núi, vùng dân tộc ít người.

5. Bộ Y tế.

Chỉ đạo nghiên cứu, quản lý sản xuất thuốc cai nghiện và nghiên cứu phương pháp cai nghiện ma túy; tổ chức khám chữa bệnh cho những người nghiện ma túy tại cơ sở chữa bệnh hoặc tại cộng đồng dân cư; quản lý và kiểm soát việc sử dụng

thuốc phiện và các thuốc gây nghiện khác vào sản xuất dược phẩm và nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà nước. Chủ trì chỉ đạo thực hiện dự án quản lý tiền chất, dự án về các phương pháp giảm cầu ma túy và phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS ở cộng đồng.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chỉ đạo đưa nội dung giáo dục phòng, chống ma túy vào chương trình nội hoặc ngoại khóa ở các trường học. Chủ trì đẩy mạnh thực hiện công tác giáo dục phòng, chống ma túy trong học sinh, sinh viên. Chủ trì thực hiện các dự án giáo dục phòng, chống ma túy trong nhà trường.

7. Bộ Văn hóa - Thông tin.

Chỉ đạo thống nhất và kiểm tra, giám sát các cơ quan, đoàn thể làm công tác thông tin, tuyên truyền và giáo dục sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân về tác hại của ma túy và các chủ trương, biện pháp phòng, chống ma túy.

8. Bộ Tài chính.

Phối hợp với Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy đảm bảo đủ và kịp thời nguồn kinh phí chi từ ngân sách nhà nước theo dự toán hàng năm cho các Bộ, ngành, địa phương; phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo những quy định hiện hành của Nhà nước.

9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phối hợp với Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy bố trí kế hoạch ngân sách hàng năm cho công tác phòng, chống ma túy; huy động các nguồn lực khác ở trong và ngoài nước phục vụ cho công tác này; phối hợp phân bổ và quản lý các dự án phòng, chống ma túy.

10. Tổng cục Hải quan.

Phối hợp với lực lượng công an nhân dân, bộ đội biên phòng chỉ đạo kiểm soát và ngăn chặn việc vận chuyển ma túy trái phép vào Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài.

11. Bộ Quốc phòng.

Chỉ đạo lực lượng quân đội nhân dân đặc biệt

là bộ đội biên phòng phối hợp với lực lượng công an nhân dân, hải quan và các ngành trong công tác phòng, chống ma túy.

12. Bộ Tư pháp.

Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức xã hội liên quan hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy. Tham gia xây dựng Luật Phòng, chống ma túy. Tổ chức giáo dục pháp luật phòng, chống ma túy.

13. Bộ Ngoại giao.

Phối hợp với các Bộ, ngành thành viên Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.

14. Ủy ban Bảo vệ chăm sóc trẻ em Việt Nam.

Phối hợp với các Bộ, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức phòng, chống lạm dụng ma túy trong trẻ em.

15. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao tăng cường chỉ đạo công tác truy tố, xét xử các vụ án ma túy.

16. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam,... tăng cường tổ chức, chỉ đạo các tổ chức thành viên; phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin tổ chức giáo dục phòng, chống ma túy tại cộng đồng trong công nhân viên chức, trong học sinh, sinh viên và trong gia đình; gắn giáo dục phòng, chống ma túy với giáo dục phòng, chống mại dâm, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS.

17. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống, kiểm soát ma túy tại địa phương mình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo và quản lý hoạt động phòng, chống ma túy:

a) Tăng cường vai trò chỉ đạo của Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy. Thiết lập hệ thống thông tin quản lý (MIS), giúp lãnh đạo Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy điều phối, giám sát và thực hiện các Chương trình phòng, chống ma túy.

b) Tăng cường năng lực thu thập thông tin, phân tích số liệu về ma túy và hoạt động của Văn phòng Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy.

c) Xuất bản Tạp chí "Phòng, chống ma túy" cơ quan thông tin, hướng dẫn công tác phòng, chống ma túy của Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy.

2. Hoàn thiện hệ thống tổ chức làm công tác phòng, chống ma túy ở các ngành, các cấp:

a) Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hải quan tập trung xây dựng và từng bước hiện đại hóa trang bị, phương tiện của các đơn vị thuộc quyền làm công tác chống tội phạm ma túy; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội củng cố các cơ sở cai nghiện ma túy để đến năm 2000 theo kịp trình độ các nước trong khu vực ASEAN.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội có nhiều hoạt động liên quan đến công tác phòng, chống ma túy, lập Ban chỉ đạo phòng, chống ma túy do 1 đồng chí Thủ trưởng (hoặc tương đương) làm Trưởng ban. Có cán bộ chuyên trách giúp việc thuộc biên chế của Bộ, ngành.

c) Ban chỉ đạo phòng, chống tệ nạn xã hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban, coi nhiệm vụ phòng, chống ma túy là nhiệm vụ trọng tâm, Giám đốc Công an làm Phó trưởng ban thường trực về phòng, chống ma túy, các thành viên gồm đại diện lãnh đạo các ngành, đoàn thể như Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy ở Trung ương. Cơ quan thường trực đặt tại Công an tỉnh, giúp việc Ban chỉ đạo có một số cán bộ chuyên trách thuộc biên chế của Công an tỉnh, thành phố và một số cán bộ kiêm nhiệm của các Sở, Ban, ngành, thành viên.

d) Các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh lập Ban chỉ đạo phòng, chống tệ nạn xã hội

do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban, Trưởng Công an quận, huyện làm Phó Trưởng ban chỉ đạo về phòng, chống ma túy. Thường trực Ban chỉ đạo đặt tại Đội tham mưu tổng hợp Công an quận, giúp việc Ban chỉ đạo có một số cán bộ chuyên trách thuộc biên chế của Công an cấp huyện và một số cán bộ kiêm nhiệm thuộc biên chế của các cơ quan thành viên Ban chỉ đạo.

e) Ở các xã, phường, thị trấn đã có Ban chỉ đạo phòng, chống tệ nạn xã hội do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Trưởng ban, Trưởng Công an phường, xã làm Phó Trưởng ban về phòng, chống ma túy, có một số cán bộ công an phường, xã kiêm nhiệm giúp việc.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phòng, chống ma túy các ngành, các cấp do Thủ trưởng các ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy.

3. Kinh phí phòng, chống ma túy:

Tiếp tục thực hiện Điểm 4 Điều 1 Quyết định số 743/TTg ngày 14/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ "về phê duyệt Kế hoạch tổng thể phòng, chống và kiểm soát ma túy giai đoạn 1996 - 2000" và căn cứ vào công tác phòng, chống ma túy, Chính phủ sẽ trình Quốc hội quyết định kinh phí chi từ ngân sách nhà nước hàng năm cho công tác phòng, chống ma túy.

Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp đẩy mạnh xã hội hóa công tác này, chỉ đạo huy động thêm các nguồn vốn khác ở trong và ngoài nước vào công tác phòng, chống ma túy.

Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy và Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch về quản lý kinh phí phòng, chống ma túy. Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy lập chương trình công tác cụ thể từng quý để thực hiện chương trình này.

Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào Chương trình hành động này để xây dựng Chương trình

công tác phòng, chống ma túy của Bộ, ngành và địa phương mình và sớm báo cáo Chủ tịch Ủy ban quốc gia./.

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 141/1998/QĐ-TTg ngày 01/08/1998 về việc sắp xếp tổ chức và bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Quyết định số 324/CT ngày 11/09/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc tổ chức lại mạng lưới các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và Quyết định số 782/TTg ngày 24/10/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp các cơ quan nghiên cứu triển khai khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 82/CP ngày 01/05/1971 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc thành lập Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động;

Xét đề nghị của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động vào danh sách các Viện nêu tại Mục 1 Điều 1 của Quyết định số 782/TTg ngày 24/10/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp các cơ quan nghiên cứu triển khai khoa học và công nghệ.

Điều 2. Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động chịu sự quản lý của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và chịu sự chỉ đạo về các hoạt động khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 3. Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động có các nhiệm vụ sau:

1. Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ về an toàn và vệ sinh lao động do Nhà nước giao:

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ về an toàn và vệ sinh lao động.

- Tham gia xây dựng và đánh giá các chỉ tiêu về an toàn và vệ sinh lao động, tác động môi trường và điều kiện làm việc của người lao động; biên soạn các tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh lao động.

- Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của Viện đáp ứng với yêu cầu phát triển của lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ bảo hộ lao động.

2. Thực hiện nhiệm vụ do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao:

- Giúp Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tham gia cùng các cơ quan thẩm quyền của Nhà nước trong việc xây dựng chế độ, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn và vệ sinh lao động.

- Nghiên cứu và ứng dụng các biện pháp tổ chức, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra công tác bảo hộ lao động trong hệ thống công đoàn.

3. Thông tin, tư vấn, tuyên truyền, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức an toàn và vệ sinh lao động cho cán bộ quản lý, người sử dụng lao động và người lao động; tham gia với các cơ sở đào tạo trong việc đào tạo cán bộ về an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của Nhà nước.

4. Thực hiện các dịch vụ và hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường phù hợp với quy định của Nhà nước.

Điều 4. Biên chế của Viện Nghiên cứu khoa